

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH
VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 814.1-CV/DAT

*"V/v Giải trình chênh lệch bảng cân đối kế
toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 trước và
sau khi soát xét"*

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Mã chứng khoán: DAT

Trước tiên Công ty xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Căn cứ theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét, Công ty xin giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 giữa báo cáo đã soát xét và báo cáo tự lập như sau:

I. Chênh lệch trên Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Chênh lệch
		Báo cáo đã soát xét	Báo cáo tự lập	
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.121.929.728.693	1.119.768.097.785	2.161.630.908
130	III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	534.244.186.478	523.351.401.077	10.892.785.401
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	441.690.044.616	438.089.288.701	3.600.755.915
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	2.399.345.144	4.107.315.658	(1.707.970.514)
140	IV. HÀNG TỒN KHO	69.418.573.161	68.990.263.824	428.309.337
141	1. Hàng tồn kho	69.418.573.161	68.990.263.824	428.309.337
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	123.784.244	283.248.074	(159.463.830)
152	Thuế GTGT được khấu trừ	-	159.463.830	(159.463.830)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.635.332.918.455	1.633.171.287.547	2.161.630.908
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	763.199.448.074	762.115.219.032	1.084.229.042
310	I. Nợ ngắn hạn	747.523.267.294	746.439.038.252	1.084.229.042
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.638.010.395	3.407.624.953	230.385.442
314	4. Phải trả người lao động	846.357.600	-	846.357.600
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	919.842.000	912.356.000	7.486.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	872.133.470.381	871.056.068.515	1.077.401.866
410	I. Vốn chủ sở hữu	861.870.085.281	860.792.683.415	1.077.401.866
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	186.305.082.210	185.227.680.344	1.077.401.866
421b	- LNST chưa phân phối lũy kế	30.395.025.070	29.317.623.204	1.077.401.866
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.635.332.918.455	1.633.171.287.547	2.161.630.908

II. Nguyên nhân chênh lệch:

1. Do báo cáo tự lập của Công ty ghi nhận số khoản doanh thu dịch vụ là 3.334.033.254 đồng và Thuế giá trị gia tăng đầu ra là 266.722.661 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh tăng "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" (mã số 131) số tiền 3.600.755.915 đồng.

2. Do báo cáo tự lập của Công ty ghi nhận dư khoản lãi tiền gửi dự thu là 1.591.263.014 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh giảm "Phải thu ngắn hạn khác" (mã số 136) số tiền này.

3. Do báo cáo tự lập của Công ty ghi nhận số khoản thu nhập là 846.357.600 đồng, chi phí Bảo hiểm xã hội 116.707.500 đồng, chi phí Kinh phí công đoàn 7.486.000 đồng và thuế thu nhập cá nhân 3.868.400 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh tăng "Phải trả người lao động" (mã số 314) số tiền 846.357.600 đồng, điều chỉnh tăng "Phải trả ngắn hạn khác" (mã số 319) số tiền 7.486.000 đồng, điều chỉnh giảm "Phải thu ngắn hạn khác" (mã số 136) số tiền 116.707.500 đồng và điều chỉnh tăng "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (mã số 313) số tiền 3.868.400 đồng.

4. Do ghi nhận tăng Thuế giá trị gia tăng đầu ra (theo mục II.1 - Tính lại tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng), làm cho Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ giảm 159.463.830 đồng và Thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước tăng 106.805.724 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh giảm "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" (mã số 152) số tiền 159.463.830 đồng và tăng "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (mã số 313) số tiền 106.805.724 đồng.

5. Do ghi nhận tăng "Phải trả người lao động" (theo mục II.3 - Tăng một phần vào chi phí nhân công trực tiếp) và tăng thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ (theo mục II.4 - Tăng chi phí sản xuất chung), làm cho giá thành sản xuất tăng 428.309.337 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh tăng "Hàng tồn kho" (mã số 141) số tiền này.

6. Do ghi nhận tăng Doanh thu dịch vụ (theo mục II.1 - Tăng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) và giảm lãi tiền gửi dự thu (theo mục II.2 - Giảm Doanh thu hoạt động tài chính), làm cho Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng, dẫn đến Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 119.711.318 đồng và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 1.077.401.866 đồng. Báo cáo đã soát xét đã điều chỉnh tăng "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" (mã số 313) và điều chỉnh tăng "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421, 421b) số tiền tăng tương ứng.

Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển thủy sản kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM được biết và trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu văn phòng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PT THỦY SẢN

Người đại diện pháp luật



LÊ VĂN LÂM